TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q,** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HS-ST
Ngày 09-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Quý
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Văn Thường
2. Ông Hoàng Thành Đại

- Thư ký phiên toà: Ông Hà Mạnh Cường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2018/TLST-HS ngày 08/10/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-HS ngày 26/10/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1980, tại thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: thôn Y, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Bùi Thị X (đã chết); có vợ là Phàn Thị N và 01 con; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 05/8/2016 bị Công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; bị bắt tạm giam từ ngày 25/7/2018; có mặt.

* *Bị hại*: Ông Làn Văn Q, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn R, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; dân tộc: Pà Thẻn; nghề nghiệp: làm ruộng; có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Anh Long Văn L, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ dân phố số 04, thị trấn S, huyện Q, tỉnh Hà Giang; dân tộc: La Chí; nghề nghiệp: Làm ruộng; có mặt.

- Anh Hoàng Mạnh C, sinh năm 1987, nơi cư trú: Thôn E, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái; dân tộc: Tày; nghề nghiệp: Lao động tự do; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh Nông Văn P, sinh năm 1978, nơi cư trú: Thôn U, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái; dân tộc: Tày; nghề nghiệp: Làm ruộng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ dân phố số 05, thị trấn S, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Mạnh H và ông Làn Văn Q có mối quan hệ là người cùng xã, quen biết nhau, thường xuyên đi lại nhà nhau chơi, H cũng đã mượn xe ông Q nhiều lần. Khoảng 19 giờ ngày 03/7/2017 H đến nhà ông Q chơi, ăn cơm và ngủ lại qua đêm. Sáng hôm sau, khoảng 06 giờ 30 phút ngày 04/7/2017, H hỏi mượn ông Q chiếc xe máy loại xe Wave ALPHA, nhãn hiệu HONDA, Biển kiểm soát 23E1-012.56 (ông Q mua lại của chị Vũ Thị A thôn K, xã B, huyện Q, chưa làm thủ tục sang tên) để đến nhà anh Hoàng Văn D thôn T, xã B, huyện Q đòi nợ, ông Q đồng ý cho H mượn xe trong thời gian buổi sáng, rồi giao xe cùng giấy tờ để trong cốp xe cho H, sau đó H điều khiển xe đi đến nhà ông D để đòi nợ nhưng không được, lúc này H nảy sinh ý định đem chiếc xe máy đi cầm cố lấy tiền tiêu sài, H điều khiển xe máy đến nhà anh Phạm Văn T trú tại tổ dân phố số 05, thị trấn S hỏi vay 450.000đ và để lại chiếc xe máy làm tin. Đến ngày 05/7/2017 H đến nhà anh Long Văn L, trú tại tổ dân phố số 04, thị trấn S chơi và gạ bán chiếc xe máy, H nói với anh L là xe của H mua lại của ông Q nên anh L đồng ý mua, hai bên thỏa thuận giá 4.000.000đ, sau đó H đến nhà anh T trả tiền rồi lấy xe bán cho anh L. Đến tháng 8 năm 2017 anh L bán chiếc xe máy này cho anh Hoàng Mạnh C, trú tại thôn E, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái giá 8.000.000đ, khoảng một tháng sau anh C bán lại chiếc xe máy này cho anh Nông Văn P, trú tại thôn U, xã G giá 11.000.000đ. Ngay sau khi bán được xe H chốn đi khỏi địa phương, cắt đứt mọi liên lạc, số tiền bán xe H chi tiêu cá nhân hết. Ông Q sau khi cho H mượn xe máy không thấy H đem về trả đã truy tìm nhưng không có kết quả, đến ngày 24/7/2018 biết được thông tin về H, ông Q đến Công an huyện Q trình báo sự việc.

Chiếc xe máy Wave ALPHA, nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 23E1-012.56 đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ai yêu cầu bị cáo bồi thường; những người mua bán xe tự thoả thuận với nhau, không yêu cầu giải quyết trong vụ án.

Tại Kết luận số 175-KL/HĐĐG ngày 25/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q xác định chiếc xe máy loại xe Wave ALPHA, nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 23E1-012.56, giá trị 10.800.000đ.

Tại Bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 08/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Nguyễn Mạnh H về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên toà: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên và xin được giảm nhẹ hình phạt; bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ai yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, không có ai yêu cầu gì về vật chứng trong vụ án. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh H phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140, điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo từ 07 đến 09 tháng tù; về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có ai yêu cầu gì, nên

không xem xét; về vật chứng, đã trả lại cho chủ sở hữu trong quá trình điều tra, nên không phải xử lý; buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát huyện Q, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp; về tài liệu, chứng cứ do Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên toà bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản khám nghiệm hiện trường, kèm sơ đồ, bản ảnh, biên bản nhận dạng kèm bản ảnh, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội được thể hiện: Vào thời gian sáng ngày 04/7/2017 tại nhà ông Làn Văn Q, thôn R, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang, Nguyễn Mạnh H mượn chiếc xe máy Wave ALPHA, nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 23E1-012.56, giá trị 10.800.000đ của ông Q theo hợp đồng miệng thời gian một buổi sáng để đi đòi nợ, sau khi được giao xe bị cáo thực hiện mục đích đi đòi nợ nhưng rồi không trả xe cho ông Q mà đã tự ý mang đi bán cho anh Long Văn L trú tại tổ dân phố số 04, thị trấn S, huyện Q rồi bỏ trốn đi khỏi địa phương, sử dụng tiền bán xe để chi tiêu cá nhân. Đây là hành vi không thực hiện theo đúng nghĩa vụ cam kết của hợp đồng, mượn tài sản của người thân quen bằng hình thức hợp đồng miệng rồi mang bán lấy tiền, sau đó bỏ trốn, nhằm chiếm đoạt tài sản đó. Theo quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: *"Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm: a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó; b)..."*. Như vậy hành vi của bị cáo nêu trên đã phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999. Viện kiểm sát quyết định truy tố và quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản, ảnh hưởng đến trật tự, an ninh tại địa phương; bị cáo muốn có tiền tiêu sài nhưng không chịu khó lao động để mà có, đã lợi dụng sự tín nhiệm của chủ tài sản giao ngay thẳng cho bị cáo mượn rồi chiếm

đoạt, thể hiện sự coi thường pháp luật, cần phải xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa tội phạm.

[3] Nhân thân của bị cáo không tốt, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy vào ngày 05/8/2016. Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, cần áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có việc làm ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với hành vi anh Phạm Văn T giữ chiếc xe máy để làm tin và hành vi anh Long Văn L, Hoàng Mạnh C, Nông Văn P mua chiếc xe máy là ngay tình, hoàn toàn không biết tài sản do lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt mà có nên không bị coi là hành vi vi phạm pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có ai yêu cầu bị cáo bồi thường, giữa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu giải quyết trong vụ án, nên không xem xét.

[7] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu chiếc xe máy loại xe Wave ALPHA, nhãn hiệu HONDA, BKS 23E1-012.56 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe là đúng pháp luật, ngoài ra không thu giữ vật chứng gì khác, nên không phải xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh H phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 140, điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh H 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam - ngày 25/7/2018.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hánh án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp Hà Giang;
- Phòng PV27, PC81 Công an tỉnh;
- VKSND huyện Q;
- CA huyện Q;
- CCTHADS huyện Q;
- UBND xã B;
- Bị cáo; bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ, VP, AV.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Quý